

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/DS-PT

Ngày: 30 – 3– 2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Bà N1ễn Thị Hiền

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLPT- DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2021/QĐPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phan Việt N1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

2. Bà Phan Diệp (Việt) A1, sinh năm 1958 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà N1: Bà Phan Diệp (Việt) A1, văn bản ủy quyền ngày 05/5/2017.

3. Bà Phan Thị H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: A39E, khu phố Bình Đức, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà N1ễn Thị Định, sinh năm 1963, (vắng mặt)
2. Chị N1ễn Trúc My (Mị), sinh năm 1984, (vắng mặt).
3. Anh Hồ Quốc Trung, sinh năm 1982, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà D2, chị My, anh T2: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 là người đại diện theo ủy quyền của các đương sự này, văn bản ủy quyền ngày 06/10/2020.

4. Anh Hồ Quốc T3, (vắng mặt)

5. Chị Hồ Vân A2, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

6. Ông Phan Hữu N2 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 260, đường D5, cư xá Văn Thánh Bắc, phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông N1ễn Văn Giàu (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

8. Bà N1ễn Cà Lên (vợ ông N1ễn Văn Dũng), (vắng mặt)

9. Anh N1ễn Vũ Phương (con ông D1, bà L), (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

10. Anh N1ễn Vui (con ông D1, bà L), (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

11. Anh N1ễn Văn Dể (con ông D1, bà L), vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh C ..

12. Chị N1ễn Tuyết Ngoan (con ông D1, bà L), vắng mặt)

13. Chị N1ễn Loan Lớn (con ông D1, bà L), (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh C ..

14. Chị N1ễn Loan Lùng, (con ông D1, bà L), (vắng mặt)

Địa chỉ: Tỉnh Thanh Hóa

15. Ủy ban nhân xã Trí Phải (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C .

16. Ủy ban nhân dân huyện Thới B

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Thới B: Ông Lê Chí Tâm, chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Thới Bình (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Việt N1, bà Phan Diệp (Việt) A1, bà Phan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-8-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà N1, bà A1 trình bày:

Ông Trần Văn Khấu, bà Đinh Thị Sơn là cha mẹ ruột của bà N1ệt (bà N1ệt chết năm 2005). Còn bà Trần Minh Nguyệt là mẹ ruột của bà N1, bà A1, bà H, ông N2.

Năm 1945 ông Khấu, bà Sơn được Nhà nước cấp cho một phần đất có chiều ngang 120m, dài từ kinh xáng Chắc Bạng đến kinh Hậu khoảng 150m, đất tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C .. Vị trí đất: Mặt tiền giáp kinh xáng Chắc Bạng, mặt hậu giáp đất ông N1ễn Thanh Thư, đều dài khoảng 120m; cạnh phải giáp đất ông Lê Văn An, cạnh trái giáp đất ông N1ễn Phùng (Ba Huế), đều dài khoảng 150m. Năm 1947 ông Khấu chết để lại phần đất cho bà N1ệt quản lý, sử dụng. Năm 1978 Ủy ban nhân dân huyện Thới B lấy toàn bộ phần đất nêu trên làm khu công nghiệp, bà N1ệt có làm đơn khiếu nại, đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Đến năm 1984 sở Công nghiệp tỉnh Cà Mau lấy một phần trong diện tích đất nêu trên khoảng 3.900,10m² để xây dựng Nhà máy đường (diện tích này được thể hiện theo Quyết định số: 960/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau).

Đến năm 1991 Ủy ban nhân dân xã Trí P2 tự ý lấy phần đất của bà N1ệt cấp, chuyển nhượng cho người dân và cán bộ làm nhà ở. Trong đó, có ông N1ễn Văn Giàu, sau đó ông G chuyển nhượng lại phần đất cho ông Nguyễn Văn Th, kích thước phần đất chiều ngang 4m, dài 12m, diện tích 48m², vị trí đất: Mặt tiền giáp lối đi đường xuống bến tàu, mặt hậu giáp đất của bà N1ệt bị ông T1 lấn chiếm, đều dài 04m; cạnh trái giáp nền nhà của ông Thông, cạnh phải giáp nền nhà xã Trí Phải lấy đất của bà N1ệt chuyển nhượng cho ông Việt, bà Thúy, đều dài 12m. Lúc Ủy ban xã Trí Phải lấy đất của bà N1ệt cấp, chuyển nhượng cho người khác thì bà N1ệt tiếp tục khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Trí P2 thu tiền của những người đang quản lý đất để trả lại cho bà N1ệt, bà N1ệt không yêu cầu lấy lại đất. Quá trình sử dụng đất ông T1 đã lấn chiếm thêm phần đất liền kề còn lại của bà N1ệt phía sau hậu nền nhà của ông T1, phần đất lấn chiếm có chiều ngang 4m, dài 12m, diện tích 48m², vị trí đất: mặt tiền giáp phần đất tranh chấp nêu trên, mặt hậu giáp đất còn lại của bà N1ệt đang tranh chấp với ông Đường, đều dài 04m; cạnh trái giáp đất của bà N1ệt, cạnh phải giáp đất của bà N1ệt do ông Việt, bà Thúy lấn chiếm, đều dài 12m. Lúc Ủy ban nhân dân xã Trí P2 lấy đất của bà N1ệt cấp, chuyển nhượng cho người khác thì bà không biết xã thực hiện chủ trương gì, vì không có giấy tờ, quyết định gì. Thời điểm trước khi Ủy ban nhân dân xã Trí P2 lấy đất của bà N1ệt cấp, chuyển nhượng cho người khác thì bà N1ệt không làm thủ tục đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số tiền 600.000 đồng ông T1 nói nộp cho Ủy ban xã là đóng tiền mặt bằng chợ hoặc làm cống, chứ không phải Nhà nước giao đất và ông T1 trả tiền đất. Ông T1 trình bày đã làm thủ tục và đang chờ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, vì bà đã có đơn yêu cầu ngăn chặn việc ông T1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất ông T1 nhận chuyển nhượng của ông G khi ông T1 cất nhà gia đình bà không có ngăn cản, vì lúc đó bà N1ệt đang yêu cầu Ủy ban xã Trí Phải thu tiền phần đất này trả cho bà N1ệt. Phần đất ông T1 tự lấn chiếm khi ông T1 cất nhà gia đình bà có trực tiếp ngăn cản.

Bà A1 yêu cầu ông T1 trả cho bà giá trị phần đất tranh chấp kích thước là $04m \times 12m = 48m^2$ (chưa đo đạc) tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C . với số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nếu ông T1 không đồng ý trả giá trị đất thì giao trả lại phần đất tranh chấp cho bà A1, bà A1 đồng ý hỗ trợ cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để ông T1 di dời nhà ra khỏi phần đất tranh chấp.

Phần đất ông T1 tự lấn chiếm bà A1, bà N1 giao cho bà H tự quyết định, các bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất này. Bà A1, bà N1 không có yêu cầu gì với ông G, Ủy ban nhân dân xã Trí P2 và Ủy ban nhân dân huyện Thới B.

Bà Phan Thị H trình bày:

Bà H yêu cầu rút đơn khởi kiện của bà đề ngày 04/8/2017 cùng với bà A1, bà N1 khởi kiện đối với ông T1. Lý do: Thời điểm bà H ký đơn khởi kiện đối với ông T1 là do bà H và gia đình chưa nhận được, cũng như được cấp có thẩm quyền triển khai Quyết định số: 1266/QĐ-CTUB ngày 02/10/2001, nên bà không biết nội dung được nêu trong quyết định này, còn đối với bà A1 có biết quyết định trên hay không thì bà không biết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu ông T1 trả cho bà giá trị phần đất tranh chấp $04m \times 12m = 48m^2$ tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C . với số tiền là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Phần đất ông T1 lấn chiếm bà rút lại yêu cầu để tự thỏa thuận với ông T1.

Phần đất tranh chấp với ông T1 trong thời gian khởi kiện tại tòa bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Trí P2 và Ủy ban nhân dân huyện Thới B giải quyết. Hiện tại bà đã rút lại không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Trí P2, Ủy ban nhân dân huyện Thới B giải quyết. Bà không có yêu cầu gì đối với ông G.

Ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Năm 1992, ông có nhận chuyển nhượng của ông N1ễn Văn Giàu một phần đất có chiều ngang 04m, dài 12m, diện tích $48m^2$, có vị trí: mặt tiền giáp lối đi đường xuống bến tàu, mặt hậu giáp phần đất ông coi nói ra đường kênh, đều dài 04m; cạnh trái giáp nền nhà của ông Thông, cạnh phải giáp đất ông Việt, bà Thúy, đều dài 12m, tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C . (chợ Trí Phải) với giá 05 chỉ vàng 24k, ông đã thanh toán số vàng này cho ông G, do ông G làm cán bộ, nên việc chuyển nhượng đất do anh của ông G là ông N1ễn Văn Dũng thực hiện thay cho ông G. Ngoài ra, ông còn nộp cho Ủy ban nhân dân xã Trí P2 600.000 đồng tiền nền. Trong quá trình sử dụng đất ông có coi nói ra phần kênh công cộng thuộc quyền quản lý của Nhà nước có chiều ngang 04 m, dài 11m. Vị trí: mặt tiền giáp phần đất tranh chấp nêu trên, mặt hậu giáp đất còn lại của bà N1ệt đang tranh chấp với ông Đường, đều dài 04m; cạnh trái giáp đất của bà N1ệt, cạnh phải giáp đất

của ông Việt, bà Thúy, đều dài 11m. Trên phần đất tranh chấp vợ, con, cháu ông có cất nhà ở (nhà cấp 4), khi ông cất nhà không có ai ngăn cản.

Phần đất tranh chấp trên ông T1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do thời điểm năm 1992 gia đình ông T1 còn khó khăn nên chưa có khả năng đi làm quyền sử dụng đất. Đến năm 2014 bà A1 yêu cầu ông T1 trả tiền nền nhà ông T1 đang ở bằng số tiền 400.000.000 đồng ông T1 không đồng ý nên đôi bên phát sinh tranh chấp đến nay.

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì lý do ông T1 đã đóng tiền nền nhà cho Ủy ban nhân dân xã Trí P2 và ông đã ở trên đất hợp pháp từ năm 1992 đến nay. Theo ông, thì bà A1 khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân xã Trí P2 mới đúng. Ông T1 không có yêu cầu gì với ông G, Ủy ban nhân dân xã Trí P2 và Ủy ban nhân dân huyện Thới B.

Ông Nlễn Văn Giàu trình bày:

Ông Nlễn Văn Dũng là anh ruột của ông G (ông D1 đã chết năm 2018). Ông D1 có vợ tên Nguyễn Cà L, các con gồm tên Nguyễn V, Nguyễn Văn D3, Nguyễn Tuyết N3, Nguyễn Loan Lớn, Nguyễn Loan Lùng, Nguyễn Vũ P1. Đối với bà L, anh Vũ Phương sinh sống tại ấp 1, xã Trí Phải; anh V có địa chỉ ấp 5, xã Trí Phải; anh D3 có địa chỉ ấp 7, xã Trí Lực, chị N3 và chị Loan Lớn có địa chỉ ấp Đầu Nai, xã Tân Phú, chị Loan Lùng có chồng ở tỉnh Thanh Hóa không biết rõ địa chỉ.

Năm 1991 ông G đi bộ đội trở về địa phương, nên được Đảng ủy xã Trí Phải cấp cho nền nhà ngang 4m, dài 12m (là phần đất tranh chấp giữa chi em bà A1 với ông T1 hiện nay) do ông không có nhu cầu ở nên ông G làm đơn trả lại cho Đảng ủy xã Trí Phải nền nhà nêu trên. Khi cấp nền nhà có làm biên bản cấp đất và đơn trả lại nền nhà do phía Ủy ban nhân dân xã Trí P2 quản lý. Sau khi trả lại nền nhà thì ông G không biết Đảng ủy xã Trí Phải có giao lại cho ai khác hay không. Ông G không biết việc ông D1 chuyển nhượng nền nhà cho ông T1 năm 1992. Ông G xác định ông không liên quan gì đến vụ việc tranh chấp giữa bà A1, bà H, bà N1 với ông T1 nên ông không có ý kiến gì. Ông G từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án sơ thẩm quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Việt N1, Phan Diệp (Việt) A1, bà Phan Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Th trả giá trị phần đất diện tích 41.6m².

Không xem xét yêu cầu của bà A1, bà N1 đối với ông T1 phần đất lấn chiếm diện tích 34.4m².

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H với ông T1 về phần đất ông T1 lấn chiếm diện tích 34.4m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28-12-2020, bà Phan Diệp Ân, bà N1, bà Phan Thị H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phan Thị H: Rút yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu kháng cáo đối với diện tích tranh chấp theo đo đạc thực tế 41,6m², vì bà H cho rằng đã gửi đơn yêu cầu đối với UBND xã Trí Phải. Đối với phần đất phía ông T1 lấn phía sau (kênh) diện tích đo đạc 34.4m², tại cấp sơ thẩm bà H đã rút lại yêu cầu khởi kiện để thỏa thuận với ông T1. Nhưng nay tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định tiếp tục yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất 34.4m².

- Bà Phan Việt N1, bà Phan Diệp (Việt) A1 (bà A1 đại diện bà N1): Tiếp tục yêu cầu ông T1 trả phần đất phía trước ngang 4m, dài 12m (đo đạc thực tế 41,6m²). Đối với phần đất phía ông T1 lấn phía sau (kênh) diện tích đo đạc 34.4m², tại cấp sơ thẩm bà A1, bà N1 xác định không có khởi kiện đối với ông T1. Cấp phúc thẩm bà A1, bà N1 xác định cũng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T1. Tóm lại, 02 bà chỉ yêu cầu khởi kiện phần đất phía trước, rút yêu cầu phần đất phía sau.

- Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Thống nhất với việc rút yêu cầu khởi kiện, rút kháng cáo của các nguyên đơn. Các yêu cầu khởi kiện, kháng cáo còn lại của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của các bên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn, thì nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông bà ngoại để lại cho mẹ nguyên đơn ngang 120m x dài 150m. Năm 1978 Nhà nước lấy toàn bộ phần đất nêu trên làm khu công nghiệp. Năm 1984, Sở công nghiệp tỉnh Cà Mau lấy một phần trong diện tích đất nêu trên khoảng 3.900,1m² để xây dựng nhà máy đường (theo Quyết định số: 960/QĐ-UBND ngày 18-6-2014 của UBND tỉnh Cà Mau). Sau đó, nhà máy đường giải thể, khoảng năm 1991, UBND xã Trí Phải tự ý lấy phần đất nêu trên cấp, hoặc chuyển nhượng cho người dân (trong đó có hộ bị đơn), nên nay phát sinh tranh chấp.

[3] Theo mảnh trích đo địa chính số: 05-2018 ngày 02-02-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình, thì phần đất tranh chấp giữa các đương sự có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp đường xuống bến tàu mốc M1, M2 dài 04m; mặt hậu giáp tờ 21, thửa đất số 01 mốc M3, M4 dài 04m; cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp thửa 213 mốc M1, M4 dài 20.48m; cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp thửa 230 mốc M2, M3 dài 20.48m, diện tích $82m^2$ tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C .. Tại cấp sơ thẩm: Bà A1, bà N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất phía sau, có vị trí: Nhìn từ mặt tiền mốc M2', M3' cạnh dài: 04m, mặt hậu mốc M3, M4 cạnh dài 04m, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp thửa 213 mốc M3'M4 cạnh dài 8.85m, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp thửa 230 mốc M3'M4 cạnh dài 8.85m, diện tích $34.4m^2$. Đối với phần đất $34.4m^2$, tại cấp sơ thẩm bà H đã rút yêu cầu khởi kiện. Đối với diện tích còn lại phía trước, diện tích đo đạc thực tế $41,6m^2$ (đã trừ $6m^2$ đất hành lang giáp mặt đường), cấp sơ thẩm các nguyên đơn vẫn tiếp tục yêu cầu.

[3.1] Do cấp sơ thẩm bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích $34.4m^2$, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H với ông T1 là phù hợp. Về diện tích $34.4m^2$, tại cấp sơ thẩm bà N1 và bà A1 không yêu cầu, án sơ thẩm tuyên xử không xem xét yêu cầu của bà N1 và bà A1.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm, các nguyên đơn có kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa bà H thì rút yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu kháng cáo đối với diện tích đo đạc thực tế $41,6m^2$ (được bị đơn đồng ý), nên cần xem xét hủy và đình chỉ xét xử phúc thẩm diện tích $41,6m^2$ này đối với bà H. Đối với phần đất phía sau đo đạc thực tế $34.4m^2$ cấp sơ thẩm bà H đã rút yêu cầu, nay cấp phúc thẩm bà lại tiếp tục yêu cầu, xét thấy án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ đặt ra xem xét phần diện tích $34,4m^2$ này. Còn bà A1, bà N1, tại cấp sơ thẩm, 02 bà đã không yêu cầu diện tích $34,4m^2$ (02 bà xác định để cho bà H yêu cầu). Nay cấp phúc thẩm, 02 bà rút yêu cầu khởi kiện, rút kháng cáo đối với diện tích $34,4m^2$ này (được bị đơn đồng ý), nên cần hủy và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với diện tích $34,4m^2$ của bà A1, bà N1 là phù hợp. Như vậy, tại cấp phúc thẩm, bà A1, bà N1 xác định chỉ còn khởi kiện, kháng cáo đối với diện tích $41,6m^2$, đây cũng là phạm vi xét xử phúc thẩm, đối với yêu cầu của bà A1, bà N1.

[4] Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp và căn cứ khởi kiện: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện phần đất tranh chấp nói trên, vào năm 1960 chính quyền Ngụy chiếm đóng đồn, bà N1ệt phải tản cư ra Cà Mau sinh sống. Sau 30/4/1975 gia đình bà N1ệt trở về canh tác phần đất cũ. Khi mở rộng xã Trí Phải, ngày 19/8/1991 Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Trí P2 có lập biên bản làm việc với bà N1ệt, theo đó giải quyết yêu cầu của bà là cấp cho bà N1ệt 02 nền nhà liền kề nhau kích thước ngang 12m trong khu vực chợ Trí Phải, phần đất còn lại giao cấp cho các hộ khác, nội dung biên bản có thể hiện “*Nếu sau này tỉnh buộc phải trả hoa lợi cho bà thì xã huyện sẽ có trách nhiệm, thu tiền trả lại cho bà*”, bà N1ệt và các con bà thống nhất không có ý kiến gì (Bút lục số: 06). Tại biên bản đo đạc lại khu đất bà Trần Minh Nguyệt vào ngày 27/8/2008 (Bút lục số: 267) tại mục 2 bà

A1 đại diện cho bà N1ệt và anh chị em của bà đề nghị giữ y 12m đất cấp cho bà N1ệt theo biên bản ngày 19/8/1991 của Ủy ban nhân dân xã Trí P2; phát đất còn lại *bà thống nhất hiến cho Nhà nước hết*, (trên thực tế theo sơ đồ khu đất bà N1ệt ngày 27/8/2008 bà N1ệt quản lý, sử dụng đất là 18m).

[4.1] Tại biên bản hòa giải ngày 29/12/2017 (Bút lục số: 45), bà A1 thừa nhận khi Ủy ban nhân dân xã Trí P2 cấp, chuyển nhượng cho dân và cán bộ làm nhà ở trong đó có ông G, ông G chuyển nhượng cho ông T1, bà A1 và ông T1 đều xác định Ủy ban nhân dân xã Trí P2 có thu tiền của ông T1 là 600.000 đồng, theo bà A1 trình bày là đóng tiền mặt bằng chợ hoặc làm công chứ không phải Nhà nước giao đất cho ông T1 có thu tiền. Xét thấy, lời trình bày này của bà A1 là không có cơ sở, bởi vì bà A1 thừa nhận năm 1991 Ủy ban nhân dân xã Trí P2 cấp, chuyển nhượng cho dân và cán bộ làm nhà ở (trước khi ông T1 nhận chuyển nhượng đất có nguồn gốc từ ông G, thì ông không biết đất trên của ai). Từ khi ông T1 nhận đất cất nhà ở thì bà N1ệt, bà A1, bà H, ông N2 không có phản đối gì. Theo bà A1, bà H trình bày tại tòa sơ thẩm là từ năm 1991 đến trước thời điểm khởi kiện, bà N1ệt và các con bà N1ệt không yêu cầu các hộ dân được xã Trí Phải cấp, chuyển nhượng trả lại đất cho bà N1ệt, chỉ yêu cầu xã Trí Phải thu tiền của các hộ dân được cấp đất trả lại cho bà N1ệt, nhưng không được xã Trí Phải giải quyết nên mới khởi kiện yêu cầu trả đất.

[5] Đối với phần đất nguyên đơn kiện đòi, Nhà nước đã thực hiện chính sách quản lý đất đai, đã thu hồi đất đưa vào thực hiện dự án phát triển kinh tế địa phương; sau khi giải thể nhà máy đường, phía gia đình bà N1ệt cũng đã được trả lại một phần đất, phần còn lại có ý kiến thống nhất hiến đất. Đồng thời, năm 2008, UBND tỉnh Cà Mau cũng ban hành Quyết định số: 1302/UB-CTUB ngày 17-9-2008 bác đơn khiếu nại của bà Trần Minh Nguyệt về việc đòi lại đất của Nhà máy đường thuộc Sở công nghiệp. Đối với phần đất tranh chấp nằm trong khu vực nhà máy đường cũ, thì UBND xã Trí Phải quản lý phần đất nêu trên sau khi nhà máy đường bị giải thể. Việc bị đơn sang nhượng phần đất nêu trên, mặc dù chưa tuân thủ điều kiện chuyển nhượng, nhưng bị đơn đã sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1992 đến nay, khi cất nhà không tranh chấp, không bị xử lý hành chính; ông T1 cũng được UBND xã Trí Phải xác nhận tại “*Giấy xác nhận quyền sở hữu nhà và tài sản*” từ năm 1992 (Bút lục số 107). Đối với nguyên đơn kiện đòi lại phần đất tranh chấp cho rằng có nguồn gốc từ ông bà ngoại của nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không có căn cứ chứng minh quá trình sử dụng đất gia đình nguyên đơn được Nhà nước công nhận hoặc đã được cấp quyền sử dụng đất. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[6] Từ đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm: Hủy và đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, bà A1, bà N1 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A1, bà N1 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 289, Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về chi phí tố tụng nguyên đơn phải chịu, đã dự nộp xong.

[8] Về án phí: Do nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên nguyên đơn được xét miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm; hoàn lại tiền án phí sơ thẩm 1.200.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy một phần và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông T1 diện tích đất theo đo đạc thực tế là 41,6m².

Hủy một phần và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà A1, bà N1 đối với ông T1 phần đất có diện tích 34,4m².

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A1, bà N1 đối với ông T1 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 41,6m².

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H đối với ông T1 phần đất có diện tích 34,4m².

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Việt N1, Phan Diệp (Việt) A1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Th trả giá trị phần đất diện tích 41,6m².

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H với ông T1 về phần đất ông T1 lấn chiếm diện tích 34,4m².

3. Về chi phí tố tụng: Bà Phan Việt N1, bà Phan Diệp (Việt) A1, bà Phan Thị H phải chịu chi phí đo đạc số tiền 5.522.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà N1, bà A1, bà H được miễn. Ngày 21/11/2017 bà N1, bà A1, bà H nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018893 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Miễn án phí cho bà Phan Diệp Ân, Phan Việt N1 và bà Phan Thị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

